TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2021, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh L tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 24/3/2016 theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chị N và anh L chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nay chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 72/TB-TLVA ngày 13 tháng 4 năm 2021, tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Minh L, nhưng anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của anh L trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về án phí, nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh L cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L. Chị N đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn và thông báo cho chị N nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị N đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy,

việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N và bị đơn anh Nguyễn Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và chị N, anh L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N và bị đơn anh Nguyễn Minh L.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Minh L, sinh năm 1987 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2016 ngày 24 tháng 3 năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh L là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị N, anh L hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 4 năm 2020, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị N và anh L không còn sống chung từ đó cho đến nay. Chị N và anh L đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh L trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị N phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Minh L ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/ 0007119 ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Nguyễn Thị Hồng N đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn